TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2020/DS-ST
Ngày 26 - 11 - 2020
V/v tranh chấp QSDĐ và bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đỗ Quỳnh**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Bích Thuỷ;
2. Ông Trương Xuân Vũ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân *huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà*: Bà Mạc Minh Song, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST- TCDS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 10 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-TCDS ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1935; bà Lê Thị Th, sinh năm 1937.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Hoàng Xuân Sớm, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1974; chị Nông Thị M, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái;

Đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn: Anh Hoàng Văn C

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Uỷ ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Đại diện theo uỷ quyền ông Trần Văn T, Phó chủ tịch UBND xã Yên Thắng; có mặt.

- Bà Mông Thị Đ, sinh năm 1945.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Hoàng Thị Ấ, sinh năm 1960.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970; chị Hoàng Thị Ch, sinh năm 1971

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Ông Hoàng Văn Kh, sinh năm 1953.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Anh Mông Văn H, sinh năm 1963.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Chị Vương Thị Th, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn Ph, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Chị Đỗ Thị U, sinh năm 1981; anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983; chị U vắng mặt, anh H có mặt.

Trú tại: Thôn Đồng Cáy, xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái;

- Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn Làng Th, xã Y, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04-02-2020 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 1968 ông B khai phá được diện tích đất tại thôn làng thọc xã Yên Thắng huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái có diện tích khoảng 8.500 m^2 sau khi khai phá gia đình ông trồng nhiều loại cập khác nhau đến năm 2013 gia đình đã kê khai và được đo đạc các hộ sử dụng đất liền kề có ký giáp ranh và không có tranh chấp. Sau đo gia đình tiếp tục sử dụng đất đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh tranh chấp do anh Hoàng Văn C tự ý tới khu đất chặt hạ cây trồng trên đất gồm: 02 bụi Tre (khoảng 150 cây); 30 cây Cọ; khoảng 150 cây Vầu; 04 cây gỗ tạp; khoảng 25 cây Trẩu.

Khi phát sinh tranh chấp Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đã hòa giải nhiều lần nhưng hai bên gia đình không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ kiện. Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại cho ông B, bà Thìn phần diện tích đất 1.750 m^2 và bồi thường số tiền 17.750.000 đồng do anh Cần chặt cây trên đất.

Đối với cây trên đất do anh Cần trồng mới nguyên đơn yêu cầu, bị đơn thu hoạch trả lại đất cho nguyên đơn.

Trong lời khai, cũng như tại các phiên hòa giải bị đơn đại diện theo ủy quyền anh Hoàng Văn C trình bày: Khoảng tháng 9 năm 2019 bà Mông Thị Đ tổ chức họp gia đình anh có họp và thống nhất cho anh diện tích đất khoảng 720 m2 tại thôn Làng Thọc, xã Yên Thắng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Do bà Đặng, ông Tăng (đã chết năm 1984) khai phá khoảng năm 1969 đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cho đất anh Cần đã phát dọn, chặt hạ cây trên đất. Hiện tại trên đất anh Cần đang

trồng cây Trẩu và sắn. Anh Cần không chấp nhận việc trả lại đất cho ông B, bà Thìn vì đất là của bố, mẹ anh khai phá đối với cây trên đất do bố mẹ anh Cần trồng do đó không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 17.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại phiên hòa giải đương sự thống nhất giá trị quyền sử dụng đất là 12.650.000 đồng số cây bị chặn hạ có giá trị 11.600.000 đồng số cây trồng mới có giá trị là 4.800.000 đồng.

Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân xã Yên Thắng huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái diện tích đang tranh chấp đã được đo đạc tổng thể năm 2013, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Mông Thị Đ xác nhận có họp gia đình và cho anh Cần, chị Mùa diện tích đất đang tranh chấp và toàn bộ cây trồng trên đất, về nguồn gốc vợ chồng ông bà khai phá từ năm 1969 đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người làm chứng trong vụ án đã trình bày các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất, có tham gia họp gia đình chứng kiến việc bà Đặng cho anh Cần, chị Mùa diện tích đất hiện đang có tranh chấp.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất đo được trên thực tế là 1.581,5 m^2 hai bên không thống nhất việc bồi thường tài sản trên đất. Bị đơn vẫn bảo vệ quan điểm không nhất trí trả lại đất cho nguyên đơn, yêu cầu nguyên đơn bồi thường tài sản trên đất và thu hoạch cây trên đất là cây Trẩu và cây Sắn do chưa tới thời điểm thu hoạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến cho rằng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Căn cứ quy định tại Điều 59 Luật đất đai 2013; Điều 579, 580, 584, 585 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tạm giao cho nguyên đơn sử dụng diện tích đất 1.581,5 m^2, buộc bị đơn thu dọn cây trồng mới trên đất là 422 cây Trẩu và 640 khóm Sắn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 186; Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mốt quan hệ pháp luật tranh chấp sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, về thẩm quyền theo lãnh thổ nơi có bất động sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn và tài liệu chứng cứ: Về nguồn gốc đất lời khai của nguyên đơn về nguồn gốc khai phá diện tích đất nêu trên phù hợp với lời khai của ông Hoàng Văn Kh là em ruột ông B, thời điểm nguyên đơn khai phá đất ông Khoa ở cùng nhà và khẳng định do khó khăn về kinh tế đã tăng ra trồng một số cây hoa màu trên đất, trưởng thôn Làng Thọc xã Yên Thắng cũng đưa ra ý kiến việc khai phá đất tại diện tích đất đang tranh chấp là do ông Hoàng Văn B khai phá.

Quá trình sử dụng đất người làm chứng là anh Lâm, chị Chuyên, anh Học, chị Thanh, chị U, anh H, anh Phục, chị Bối khẳng định có tham gia họp gia đình chứng kiến

việc bà Mông Thị Đ cho anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M diện tích đất đang tranh chấp, trước đó được chứng kiến gia đình bà Đặng chặt lá cọ trên diện tích đất tranh chấp về lợp nhà, lời khai này phù hợp với ý kiến người làm chứng là hộ sử dụng đất liền kề vì là anh em ruột (ông Tăng chồng bà Mông Thị Đ là em ruột ông Hoàng Văn B) do đó ông B cho ông Tăng là em trai, con cái ông Tăng, bà Đặng lá cọ về lợp nhà, bản chất là cây và đất của nguyên đơn.

Việc kê khai khi có kế hoạch đo đạc, kê khai sử dụng đất tại địa phương năm 2013, gia đình ông B đã thực hiện việc kê khai theo quy định, khi xác định ranh giới hộ liền kề, bà Mông Thị Đ đã ký và thừa nhận ranh giới đất với gia đình ông B. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 18-9-2020 ông Hoàng Long Chuông là trưởng thôn Làng Thọc từ năm 2007 đến năm 2017 khẳng định chữ ký trong hồ sơ đo đạc ngày 20 tháng 6 năm 2013 là chữ ký của bà Mông Thị Đ mẹ đẻ anh Cần. Tại phiên tòa bà Đặng được tiếp cận chứng cứ và thừa nhận chữ ký khi đo đạc xác định ranh giới thửa đất là chữ ký của bà Đặng.

Đối với cây trên đất là do ông Hoàng Văn B trồng chăm sóc, quản lý. Cây trồng mới trên đất là do anh Hoàng Văn C trồng.

Đại diện ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Lục Yên xác nhận nguồn gốc đất do gia đình ông B khai phá, năm 2013 đã thực hiện việc đo đạc diện tích đất, xác định được 8.500 m^2 , diện tích đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đã được đo đạc thuộc quyền sử dụng hộ ông B có tên trên sổ mục kê, các hộ giáp ranh đã thừa nhận và không có tranh chấp.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ.

Tòa án đã ra quyết định thu thập chứng cứ, quyết định xem xét, thẩm định. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-7-2020 xác định được như sau:

Diện tích đất đang tranh chấp là 1.581,5 m^2 nằm trong diện tích trồng cây lâu năm là 7.124,5 m^2 ; địa chỉ thửa đất tại thôn Làng Thọc xã Yên Thắng huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng với phần diện tích đất mà ông Hoàng Văn B kê khai và đo đạc năm 2013.

Về ranh giới, mốc giới thửa đất: Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị O; phía Nam giáp mương nước; phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn Hội vợ Hoàng Thị Thu Mão; phía đông giáp đất bà Mông Thị Đ (mẹ anh Hoàng Văn C) và đất bà Hoàng Thị Ấ *(có sơ đồng kèm theo)*.

Đối với cây trên diện tích đất đang tranh chấp, bao gồm các loại cây do hai bên đương sự xác định gồm cây đã cắt còn thân gỗ, cây chưa bị cắt hạ, cây đã cắt chỉ còn gốc và cây mới trồng trên đất, loại cây, kích thước, số lượng cụ thể như sau:

Cây đã cắt còn thân gỗ: Cây Ràng ràng được cắt thành 02 khúc, số lượng 01 cây; trong đó 01 khúc có vanh 72 cm, dài 3,0 m; 01 khúc vanh 70 cm, dài 4,0 m.

Cây còn sống trên đất (theo tên địa phương): Cây Kè số lượng 01 cây, vanh 82 cm, cao 7,0 m; cay Hen số lượng 01 cây, vanh 100 cm, cao 13,0 m; cây Cọ số lượng 03 cây, vanh 90 cm, cao 4,0 m.

Cây đã bị cắt chỉ còn gốc: 01 cây Trẩu, vanh gốc 92 cm, chiều cao 77,0 m (do hai bên đương sự thống nhất xác định); 01 cây Dầu, vanh gốc 80 cm, chiều cao 7,0 m (do hai bên đương sự thông nhất); 01 cây Thôi chanh vanh gốc 82 cm, chiều cao 7,0 m (do

hai bên đương sự thống nhất); 30 cây Cọ, vanh gốc 110 cm, cao 7,0 m; 02 búi Tre còn gốc 120 cây.

Cây trồng mới: Cây Trẩu trồng khoảng tháng 10 năm 2019 số lượng 422 cây; Săn lá tre trồng tháng 3 năm 2020 số lượng 640 khóm; hai loại cây này do anh Cần trồng.

Đối với một số cây khác đã bị cắt hạ trên đất nguyên đơn không yêu cầu xác định và không có thêm yêu cầu nào khác.

Giá trị tài sản trên đất: Tại biên bản hòa giải ngày 04-9-2020 hai bên đương sự thống nhất về giá, không yêu cầu định giá tự xác định tổng giá trị cây đã bị cắt hạ có giá trị là 11.600.000 đồng (trong đó 01 cây Ràng ràng bị cắt thành hai khúc ; 01 cây Trẩu, 01 cây Thôi tranh , 01 cây Dầu mỗi cây giá 500.000 đồng tổng 04 cây bằng 2.000.000 đồng. Tre 02 bụi 120 cây mỗi cây giá 30.000 đồng tổng giá trị 3.600.000 đồng. 30 cây Cọ giá 200.000 đồng một cây bằng 6.000.000 đồng). Đối với cây trồng mới tổng giá trị 4.800.000 đồng (trong đó 422 cây Trẩu giá trị là 4.000.000 đồng, 640 khoám sắn giá trị 800.000 đồng). Đối với giá trị đất đang tranh chấp là 1.581,5 m^2 x 8.000 đồng = 12.650.000 đồng *(Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*.

[4] Căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về lịch sử thửa đất do ông Hoàng Văn B khai phá khoảng năm 1968, qua các tài liêu chứng cứ đánh giá nêu trên có thể khẳng định gia đình nguyên đơn là người khai phá đất, năm 2013 đã thực hiện việc kê khai và đo đạc, mặt khác bà Mông Thị Đ đã thừa nhận ranh giới sử dụng đất với nhà Hoàng Văn B, do đó đã có đủ cơ sở pháp lý, khẳng định ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th có quyền sử dụng đất đối với tích diện tích đất 1.581,5 m^2 , theo quy định của khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự thì "*người chiếm hữu, người sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả cho chủ sở hữu…*". Do đó cần buộc anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M trả lại cho nguyên đơn diện tích đất nêu trên.

Đối với cây trồng trên đất là tài sản hợp pháp do ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th có công trồng, chăm sóc quản lý, do đó anh Hoàng Văn C tự ý chặt hạ cây trên đất do đó anh Cần phải bồi thường số cây bị chặt hạ số tiền 11.600.000 đồng theo quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, do nguyên đơn rU phần yêu cầu bồi thường 30 cây Cọ số tiền 6.000.000 đồng, nên số tiền còn phải bồi thường là 5.600.000 đồng, nhưng được bù trừ số tiền cây trồng mới do anh Cần trồng có giá trị là 4.800.000 đồng cây chưa đến tuổi khai thác việc thu dọn làm ảnh hưởng tới quyền lợi của bị đơn, do đó nguyên đơn sử dụng cây trồng mới, anh Cần còn phải bồi thường số tiền là 800.000 đồng.

[5] Chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên anh Cần, chị Mùa phải chịu chi phí xem xét, thẩm định theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Là trường hợp tranh chấp về quyền sử dụng đất Tòa án không xem xét về giá trị, chỉ xem xét đến quyền sử dụng đất là của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự như trường hợp vụ án không có giá ngạch. Bị đơn chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán về tài sản.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 101, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 357, 468, khoản 1 Điều 579, Điều 583, 589 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 147,157, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th.

Tạm giao cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th sử dụng diện tích đất 1.581,5 m^2; ông bà có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông B bà Thìn có quyền sở hữu, sử dụng, toàn bộ cây trồng trên đất gồm: Cây Kè số lượng 01 cây, vanh 82 cm, cao 7,0 m; cay Hen số lượng 01 cây, vanh 100 cm, cao 13,0 m; cây Cọ số lượng 03 cây, vanh 90 cm, cao 4,0 m. 422 cây Trầu, 640 khóm sắn lá tre.

2. Buộc anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M có nghĩa vụ phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th diện tích đất 1.581,5 m^2 tại thôn Làng Thọc, xã Yên Thắng, huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái.

Về ranh giới, mốc giới thửa đất: Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị O 38,92 m; phía Nam giáp mương nước ba đoạn chiều dài 11,15 m, 16,14 m, 7,12m; phía Tây giáp đất chủ hộ gồm năm đoạn chiều dài 15.72 m, 8,29 m, 19,49 m, 13,45 m, 12,58 m; phía Đông giáp đất bà Mông Thị Đ (mẹ anh Hoàng Văn C) và đất bà Hoàng Thị Ấ gồm ba đoạn chiều dài 10,19 m, 14,38 m, 8,16 m.

3. Anh Hoàng Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th số tiền 800.000,đ *(Tám trăm nghìn đồng)* giá trị tài sản cây trên đất đã bị anh Cần chặt hạ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 7.340.000,đ *(Bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* đã chi ngày 22-7-2020. Xác nhận nguyên đơn đã tạm ứng tiền xem xét, thẩm định. Anh Cần, chị Mùa có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th số tiền 7.340.000,đ *(Bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* tiền xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí: Ông Hoàng Văn B, bà Lê Thị Th được trả lại số tiền án phí 795.000,đ *(Bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/00004722 ngày 05-02-2020 của Chi cục Thi hành án huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái, Anh Hoàng Văn C, chị Nông Thị M còn phải nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí bồi thường thiệt hại.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự*"

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện LY;
- T.H.ADS huyện LY;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu HS,T.A,THS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh